

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2019

No.: 04.19 /VFB-2019/NQĐH

**NGHỊ QUYẾT**  
**NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2018**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VIỆT NAM (VFMVFB)- LẦN 2**

- Căn cứ Luật chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Thông tư số 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05/12/2012 hướng dẫn về việc thành lập, tổ chức & hoạt động của công ty Quản lý Quỹ;
- Căn cứ Thông tư số 183/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/12/2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở;
- Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/03/2016.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam được thông qua ngày 11/04/2018;
- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2018 Lần 1 của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Việt Nam (VFMVFB) ngày 02/04/2019.
- Căn cứ vào Biên bản Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2018 Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Việt Nam (VFMVFB) ngày 18/04/2019.

**QUYẾT NGHỊ**

Đại hội đã nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung sau:

**Điều 1: Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2018**

Quỹ VFB đã có kết quả đầu tư tốt trong năm 2018 với mức tăng trưởng NAV/chứng chỉ quỹ đạt 11,25%, tiếp tục là quỹ có tăng trưởng cao nhất trong số các quỹ đầu tư trái phiếu hiện đang hoạt động trên thị trường năm thứ 3 liên tiếp. Kết quả trên đạt được xuất phát từ chiến lược đầu tư chủ động của quỹ, quỹ VFB đã giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ trong nửa đầu năm 2018 phù hợp với biến động của lợi suất trên thị trường và nâng tỷ trọng đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp trong nửa sau năm (làm gia tăng đáng kể thu nhập từ lãi tiền gửi của quỹ trong năm 2018). Tổng giá trị tài sản ròng của quỹ đã tăng từ 359,36 tỷ đồng lên 671,78 tỷ đồng trong năm 2018 với sự đóng góp chủ yếu từ lợi nhuận của hoạt động đầu tư và phát hành thêm chứng chỉ quỹ. Trong năm 2018, Quỹ có thực hiện phát hành thêm 73.842.160,94 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị là 1.272.766.866,600 đồng và mua lại 58.581.117,67 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị là 1.009.206.898.694 đồng. Quy mô vốn góp



bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào quỹ là 263.559.967.906 đồng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018. Tại thời điểm 31/12/2018, quỹ VFB đã vươn lên trở thành quỹ có quy mô lớn thứ 2 từ vị trí thứ 3 trong số các quỹ trái phiếu đang hoạt động.

**Điều 2: Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán của Quỹ**

Đại hội thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán của Quỹ.

**Điều 3: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018**

Đại hội Nhà đầu tư đã thống nhất thông qua việc Quỹ VFMVFB tái đầu tư lợi nhuận và không phân phối lợi nhuận năm 2018.

**Điều 4: Kế hoạch hoạt động của Quỹ năm 2019**

Năm 2019 được nhận định là một năm khó khăn cho hoạt động đầu tư của quỹ trái phiếu khi lợi suất trái phiếu đang có xu hướng tăng trước các sức ép từ thị trường trong nước (sau khi điều chỉnh mạnh về mức thấp trong năm 2018) và thị trường quốc tế (chiến tranh thương mại/ FED tăng lãi suất). Trước tình hình trên, quỹ VFMVFB sẽ duy trì chiến lược phân bổ tài sản linh hoạt vào trái phiếu Chính phủ (TPCP), trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) và chứng chỉ tiền gửi, tập trung tăng các tài sản sinh lãi cho quỹ. Việc ban hành thông tư 163/2018 TT-BTC áp dụng cho thị trường trái phiếu doanh nghiệp từ đầu năm 2019 có thể làm giảm các cơ hội đầu tư trái phiếu doanh nghiệp đối với quỹ VFB, quỹ sẽ tìm kiếm thêm các cơ hội đầu tư vào các công ty tài chính tiêu đề đa dạng các khoản đầu tư đồng thời tích cực giao dịch trái phiếu chính phủ để gia tăng khả năng sinh lời bền vững cho quỹ.

**Điều 5: Lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2019**

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán như đã đề xuất để thực hiện kiểm toán cho Quỹ năm 2019.

**Điều 6: Tổng ngân sách hoạt động trong năm 2019 của Ban đại diện quỹ**

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua Tổng Ngân sách hoạt động của Ban đại diện Quỹ dự kiến trong năm 2019 cụ thể như sau:

STT	Loại chi phí	Ngân sách 2019	Thực tế 2018	%
<i>I</i>	<i>Thù lao</i>	<b>117,000,000</b>	<b>117,000,000</b>	<b>0%</b>
<i>II</i>	<i>Chi phí đi lại</i>	<b>32,300,000</b>	<b>0</b>	
1	Chi phí vé máy bay	24,000,000		
2	Chi phí khách sạn	8,000,000		
3	Chi phí đưa rước	300,000		
<i>III</i>	<i>Chi phí khác</i>	<b>4,000,000</b>		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>153,300,000</b>	<b>117,000,000</b>	<b>31.03%</b>

**Ghi chú:**

1. Ngân sách dự kiến năm 2019 tăng 31.03% so với thực tế năm 2018 và được lập trên cơ sở sau:
  - Số lượng thành viên BDD là 3 người và 1 thư ký BDD

- Trong năm sẽ có 2 cuộc họp thông qua điện thoại (Tele meeting) hoặc bằng văn bản, 2 cuộc họp gặp mặt trực tiếp.
- 2. Thủ lao của Ban Đại diện năm 2019 nêu trên được tính dựa trên cơ cấu Ban Đại diện gồm 3 thành viên và 1 thư ký như sau:
  - Chủ tịch BDD: 4 triệu/ tháng
  - Thành viên BDD: 2 triệu/ tháng
  - Thư ký BDD: 1 triệu/ tháng
- Trong trường hợp Ban Đại diện tăng số lượng thành viên, chi phí cho thành viên mới sẽ được tính dựa trên mức cấu thành chi phí nêu trên.

**Điều 7: Điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ VFMVFB**

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ VFMVFB như sau:

**7.1. Điều chỉnh, bổ sung phần “Các định nghĩa”: điều chỉnh cho phù hợp quy định pháp luật.**

<b>“Số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết”:</b>	<b>Là số đơn vị quỹ tham gia biểu quyết tại kỳ biểu quyết.</b>
<b>“Giá dịch vụ”</b>	<b>Sau đây có thể gọi là Phí.</b>
<b>“Giá dịch vụ quản lý quỹ” hay gọi là “Phí quản lý quỹ”</b>	Là giá dịch vụ phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ này.
<b>“Giá dịch vụ phát hành lần đầu” hay gọi là “Phí phát hành lần đầu”</b>	Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua một đơn vị chứng chỉ quỹ từ Quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng. Giá dịch vụ này được cộng vào mệnh giá, được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên mệnh giá một đơn vị chứng chỉ Quỹ VFMVFB.
<b>“Giá dịch vụ phát hành các lần tiếp theo” hay gọi là “Phí phát hành tại các lần tiếp theo”</b>	Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua một đơn vị chứng chỉ quỹ từ Quỹ tại những kỳ giao dịch tiếp theo. Giá dịch vụ này được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch (số tiền đăng ký mua) chứng chỉ Quỹ VFMVFB.
<b>“Giá dịch vụ mua lại” hay gọi là “Phí mua lại”</b>	Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi bán một đơn vị chứng chỉ quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ này được trừ đi từ giá trị giao dịch chứng chỉ Quỹ và được khấu trừ ngay khi quỹ thanh toán cho nhà đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch được quy định tại Điều lệ này.

**7.2. Điều chỉnh điều 10- Chiến lược đầu tư: Điều chỉnh phù hợp**

**“Điều 10. Chiến lược đầu tư**

Chiến lược đầu tư cho quỹ VFMVFB là năng động dựa trên cơ sở phân tích cơ bản kinh tế vĩ mô, **phân tích xu hướng biến động của thị trường chứng khoán nợ**, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê hoặc phân tích cơ bản về **tổ chức phát hành doanh nghiệp** để đưa ra các quyết định đầu tư với mục tiêu đem lại lợi nhuận tối đa cho danh mục.”

**7.3. Bổ sung Khoản 6 Điều 17. Giao dịch chứng chỉ Quỹ: Điều chỉnh phù hợp quy định pháp luật**

**"Điều 17. Giao dịch chứng chỉ Quỹ**

...

**6. Việc đầu tư chứng chỉ quỹ theo Chương trình Đầu tư định kỳ (VF-ISAVING) được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch của Quỹ."**

**7.4. Bổ sung khoản 2 Điều 49. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ: Bổ sung "giá dịch vụ" cho phù hợp quy định pháp luật.**

**"Điều 49. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ**

1. ...

2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán chứng chỉ quỹ sau khi nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ điều lệ quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong bản cáo bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại điều lệ quỹ và bản cáo bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của quỹ, chiến lược đầu tư của quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, giá dịch vụ, phí, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ."

**7.5. Điều chỉnh Điều 61. Phân phối lợi nhuận: Điều chỉnh phù hợp.**

**"Điều 61. Phân phối lợi nhuận**

1. **Để hạn chế tối đa chi phí phát sinh, quỹ VFMVFB sẽ không phân phối lợi nhuận.**
2. **Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được tích lũy làm giá tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ.**

*Quỹ đầu tư VFMVFB luôn hướng tới việc phân phối tối đa lợi nhuận cho nhà đầu tư. Vì vậy, cổ tức Quỹ đầu tư VFMVFB được quy định cụ thể như sau:*

  1. ~~Cổ tức Quỹ có thể được phân phối cho nhà đầu tư mỗi năm 1 (một) lần dựa trên báo cáo đã được kiểm toán, do đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư thông qua.~~
  2. ~~Nguồn để phân phối cổ tức Quỹ phải thỏa ba điều kiện sau:~~
    - ~~— Lợi nhuận lũy kế cho đến cuối năm tài chính mà công ty quản lý quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định.~~
    - ~~— Nguồn chia là từ lợi nhuận đã thực hiện của quỹ trong quá trình hoạt động.~~
    - ~~— Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho nhà đầu tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối năm tài chính mà công ty quản lý quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng không (không được âm).~~
  3. ~~Công ty quản lý quỹ được phân chia cổ tức Quỹ khi quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi~~

*nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.*

4. Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối cổ tức cho nhà đầu tư.
5. Cổ tức Quỹ được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng đơn vị Quỹ. Chỉ những nhà đầu tư được ghi trong danh sách nhà đầu tư tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức quỹ. Trường hợp nhà đầu tư đã chuyển nhượng số đơn vị quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách nhà đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.
6. Sau khi phân chia lợi nhuận, công ty quản lý quỹ phải gửi cho nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:
  - a. Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ);
  - b. Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
  - c. Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng đơn vị quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng đơn vị quỹ);
  - d. Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;Các ảnh hưởng tác động đến giá trị tài sản ròng của quỹ.

7.6. Điều chỉnh khoản 1, 2, 3 và khoản 4 - Điều 63. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả: Thay đổi giá dịch vụ quản lý quỹ và điều chỉnh “phí” thành “giá dịch vụ” cho phù hợp quy định pháp luật.

**“ Điều 63. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả**

**1. Giá dịch vụ quản lý quỹ**

- Giá dịch vụ quản lý là **0,9%1%** trên giá trị tài sản ròng của Quỹ VFMVFB/năm tài chính. Giá dịch vụ này được trả cho công ty quản lý quỹ VFM để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ VFMVFB. Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý **0,9%1%** sẽ được giữ cố định trong suốt thời hạn công ty quản lý quỹ VFM cung cấp dịch vụ quản lý quỹ cho Quỹ VFMVFB.
- Số **phí giá dịch vụ** trả hàng tháng là tổng số **phí giá dịch vụ** được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Công thức tính **phí giá dịch vụ** quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

**Phí Giá dịch vụ** quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ **0,9%1%** giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV sử dụng tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì **phí giá dịch vụ** quản lý được xác định như sau:

**Phí Giá dịch vụ** quản lý trong tháng = [Tỷ lệ **0,9%1%** giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + **Phí Giá dịch vụ** quản lý của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ **0,9%1%** giá dịch vụ quản lý (năm)

x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

**2. Giá dịch vụ lưu ký và giám sát**

- Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số **phí giá dịch vụ** trả hàng tháng là tổng số **phí giá dịch vụ** được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Loại giá dịch vụ	Mức giá dịch vụ (NAV/năm)	Mức giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng (VND/tháng)
Giá dịch vụ giám sát	0,04%	15.000.000 (nếu tần suất giao dịch của Quỹ là 01 lần/tuần) chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)
		17.000.000 (nếu tần suất giao dịch của Quỹ là hàng ngày) chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)
Giá dịch vụ lưu ký	0,04%	15.000.000 (nếu tần suất giao dịch của Quỹ là 01 lần/tuần)
		18.000.000 (nếu tần suất giao dịch của Quỹ là hàng ngày)

Mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán là 100.000 đồng/giao dịch.

Các loại giá dịch vụ, phí khác được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

Tổng giá dịch vụ giám sát, lưu ký tuân thủ theo quy định của pháp luật và tính trên bình quân NAV tại các kỳ định giá trong tháng.

Mức giá dịch vụ trên không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, phí sửa đổi/hủy bỏ giao dịch, phí đăng ký cổ phiếu từ chưa niêm yết sang niêm yết hay từ trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu, v.v....

Số **phí giá dịch vụ** trả hàng tháng là tổng số **phí giá dịch vụ** được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

- Công thức tính **phí giá dịch vụ** giám sát, lưu ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

**Phí Giá dịch vụ** giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì **phí giá dịch vụ** giám sát, lưu ký được xác định như sau:

**Phí Giá dịch vụ** giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) trong tháng = [Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + **Phí Giá dịch vụ** giám sát, lưu ký của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

### 3. Chi-**phí Giá dịch vụ quản trị quỹ**

- **Phí Giá** dịch vụ quản trị quỹ là mức **phí giá dịch vụ** do Quỹ VFMVFB trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.

**Phí Giá** dịch vụ quản trị quỹ được chi trả hàng tháng, với **Phí Giá dịch vụ** cụ thể như sau:

Mức <b>Phí Giá dịch vụ</b> (NAV/năm)	Mức <b>Phí Giá dịch vụ</b> tối thiểu hàng tháng (VND/tháng)
0,03%	10.000.000 (nếu tần suất giao dịch của Quỹ là 01 lần/tuần)
	15.000.000 (nếu tần suất giao dịch của Quỹ là hàng ngày)

- Số **phí giá dịch vụ** trả hàng tháng là tổng số **phí giá dịch vụ** được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

- Công thức tính **giá** dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

**Phí Giá** dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % **phí giá** dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì **phí giá** dịch vụ quản trị quỹ được xác định như sau:

**Phí Giá** dịch vụ quản trị quỹ trong tháng = [Tỷ lệ % **phí giá** dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + **Phí Giá** dịch vụ quản trị quỹ của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % **phí giá** dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

### 4. Chi-**phí Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng**

- **Phí Giá** dịch vụ đại lý chuyển nhượng là mức **phí giá dịch vụ** do Quỹ VFMVFB chi trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. **Phí Giá** dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm những dịch vụ được nêu tại khoản 2 Điều 42 của Điều lệ này.
- **Phí Giá dịch vụ** đại lý chuyển nhượng cố định hàng tháng là 10 triệu đồng/ tháng được tính phân bổ cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

- **Phí Giá dịch vụ** giao dịch mua, bán, hoán đổi, chuyển quyền sở hữu, chuyển khoản là 0,01% tính trên giá trị giao dịch mua mới, mua lại, chuyển đổi, miễn phí cho 400 giao dịch đầu tiên/tháng.
- **Phí Giá dịch vụ** thực hiện quyền là 1.000.000 đồng/1 lần cung cấp danh sách thực hiện quyền.
- Tổng **phí giá dịch vụ** đại lý chuyển nhượng không quá 0,03% NAV/năm.
- Tổng **phí giá dịch vụ** đại lý chuyển nhượng tối thiểu là 96 triệu đồng/năm (8 triệu đồng/tháng). Luôn luôn áp dụng mức tối thiểu này.
- **Phí Giá dịch vụ** đại lý chuyển nhượng sẽ được tính lại vào cuối năm dựa vào NAV bình quân của năm và sẽ được điều chỉnh vào tháng đầu tiên của năm sau (nếu có).
- Mức **phí giá dịch vụ**, phương pháp và thời hạn thanh toán **phí giá dịch vụ** được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng.

Các loại phí, **giá dịch vụ** trên đều chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có) theo quy định của pháp luật.

**7.7. Bổ sung khoản 14 Điều 64. Chi phí hoạt động của quỹ: bổ sung cho phù hợp quy định pháp luật.**

**" Điều 64. Chi phí hoạt động của quỹ**

...

14. Thuế, **giá dịch vụ**, phí, lệ phí mà quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;"

**7.8. Bổ sung Khoản 1 Điều 71 - Đăng ký điều lệ: cập nhật đăng ký điều lệ.**

**" Điều 71. Đăng ký điều lệ**

...

**Điều lệ Quỹ VFMVFB được bổ sung và sửa đổi lần thứ chín bao gồm 16 Chương, 72 Điều và 03 Phụ lục theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2018 Lần 2 của Quỹ Đầu Tư Trái phiếu Việt Nam (VFMVFB) ngày 18/4/2019 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/4/2019".**

**Điều 8: Thành viên Ban đại diện mới, nhiệm kỳ 2019-2022**

Đại hội thống nhất thông qua Toàn bộ cơ cấu của Ban đại diện nhiệm kỳ 2019-2022 như sau:

- |   |            |                          |
|---|------------|--------------------------|
| 1 | Chủ tịch   | : Bà Nguyễn Bội Hồng Lê. |
| 2 | Thành viên | : Bà Lê Thị Thu Hương    |
| 3 | Thành viên | : Bà Phạm Thị Thanh Thúy |

Ban đại diện Quỹ VFMVFB nhiệm kỳ 2019-2022 sẽ kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ nhiệm kỳ 2016– 2019.



**Điều 9: Hiệu lực Nghị quyết Đại hội**

Nghị quyết Đại hội có hiệu lực kể từ ngày ký.

**TM. Đại hội nhà đầu tư  
Ban đại diện quỹ**



**LÊ THỊ THU HƯƠNG**

**Đại diện Công ty quản lý quỹ  
Tổng Giám đốc**



**TRẦN THANH TÂN**